

Ngày soạn:/...../

Ngày dạy:/...../

BUỔI 28. SỐ THẬP PHÂN VÀ CÁC PHÉP TOÁN**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Ghi nhớ các khái niệm về phân số thập phân, số thập phân âm, số đối của số thập phân.
- So sánh được hai số thập phân.
- Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân, vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán.
- Hiểu quy tắc làm tròn số. Có thể ước lượng kết quả phép đo, phép tính.
- Giải quyết một số bài toán thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, làm tròn số.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giao tiếp toán học: trình bày được lời giải trước tập thể lớp, trả lời được các câu hỏi đặt ra của bạn học và của giáo viên
- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: sử dụng được máy tính.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... để nêu được phương pháp giải các dạng bài tập và từ đó áp dụng để giải một số dạng bài tập cụ thể.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, bảng phụ, phấn màu,**2. Học sinh:** SGK, bảng nhóm, bút dạ.**III. TIỀN TRÌNH BÀI DẠY****Tiết 1.****A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a) Mục tiêu:

- HS làm được các bài tập trắc nghiệm đầu giờ.
- Học sinh nhắc lại được các lý thuyết đã học về phân số thập phân, số thập phân âm, số thập phân dương, làm tròn số.

b) Nội dung:

- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm về các kiến thức số thập phân âm, số thập phân dương, làm tròn số.

c) Sản phẩm:

- Xác định được số thập phân âm, dương, làm tròn số.

d) Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra trắc nghiệm – Hình thức giờ bảng kết quả của học sinh (cá nhân).

Kiểm tra lý thuyết bằng trả lời miệng (cá nhân)

BÀI KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM ĐẦU GIỜ

Câu 1: Viết phân số $\frac{131}{1000}$ dưới dạng số thập phân ta được

- A. 0,131 B. 0,1331 C. 1,31 D. 0,0131

Đáp án A

Câu 2: Viết số thập phân 0,25 về dạng phân số ta được kết quả là

- A. $\frac{5}{2}$ B. $-\frac{5}{2}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{5}$

Đáp án C.

Câu 3: Số -5,132 có phần số nguyên là

- A. 5 B. - 5 C. 132 D. - 132

Đáp án B.

Câu 4: Làm tròn số 251,6823 đến hàng phần mười là

- A. 251,69 B. 251,68 C. 251,7 D. 251,6

Đáp án A.

Câu 5: Số -5762, 12 làm tròn đến hàng chục được kết quả là:

- A. - 5764,1 B. - 5762 C. - 5763 D. - 5760

Đáp án D.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
------------------------	------------------

<p>Bước 1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p>NV1: Hoàn thành bài tập trắc nghiệm đầu giờ.</p> <p>NV2: Nêu cách viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân và ngược lại.</p> <p>NV3: Nêu quy tắc làm trong số.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Hoạt động cá nhân trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>NV1: HS giờ bảng kết quả trắc nghiệm.</p> <p>(Yêu cầu 2 bạn ngồi cạnh kiểm tra kết quả của nhau)</p> <p>NV2, 3: HS đứng tại chỗ báo cáo</p> <p>Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả</p> <p>- GV cho HS khác nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức.</p> <p>- GV yêu cầu HS ghi chép kiến thức vào vở</p>	<p>Kết quả trắc nghiệm</p> <table><tr><td>C1</td><td>C2</td><td>C3</td><td>C4</td><td>C5</td></tr><tr><td>A</td><td>C</td><td>B</td><td>A</td><td>D</td></tr></table> <p>I. Nhắc lại lý thuyết</p> <p>a) Cách viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân và ngược lại</p> <p>Để viết phân số dưới dạng số thập phân ta thường làm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">✓ Bước 1: Rút gọn phân số về phân số tối giản (nếu cần).✓ Bước 2: Chia tử số cho mẫu số và viết số thập phân thu được. <p>Để viết số thập phân hữu hạn về phân số, ta làm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">✓ Bước 1: Xác định số chữ số ở phần thập phân.✓ Bước 2: Viết mẫu số của phân số là lũy thừa của 10 với số mũ là số chữ số 0 xác định ở Bước 1.✓ Bước 3: Hoàn chỉnh phân số với tử là phần thập phân của số đó. Sau đó rút gọn phân số về phân số tối giản (nếu cần). <p>b) Làm tròn số</p> <p>Muốn làm tròn một số thập phân đến một hàng nào đó, ta làm như sau:</p> <p>Bước 1: Xác định chữ số hàng làm tròn</p> <p>Bước 2: Xác định chữ số đứng ở ngay sau hàng làm tròn và so sánh chữ số đó với 5 rồi thực hiện theo quy tắc:</p>	C1	C2	C3	C4	C5	A	C	B	A	D
C1	C2	C3	C4	C5							
A	C	B	A	D							

	<ul style="list-style-type: none"> • Nếu chữ số đứng ngay bên phải hàng làm tròn nhỏ hơn 5 thì ta thay lần lượt các chữ số đứng bên phải hàng làm tròn bởi chữ số 0. • Nếu chữ số đứng ngay bên phải hàng làm tròn lớn hơn hoặc bằng 5 thì ta thay lần lượt các chữ số đứng bên phải hàng làm tròn bởi chữ số 0 rồi cộng thêm 1 vào chữ số của hàng làm tròn.
--	---

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Dạng 1: Tìm số đối của các số thập phân. So sánh hai số thập phân.

a) Mục tiêu:

Tìm được số đối của một số thập phân cho trước

Vận dụng quy tắc so sánh hai số thập phân:

- + Nếu hai số thập phân trái dấu, số thập phân dương luôn lớn hơn số thập phân âm.
- + Trong hai số thập phân âm, số nào có số đối lớn hơn thì số đó nhỏ hơn.

b) Nội dung: Bài 1; 2;

c) Sản phẩm: Tìm được kết quả của các phép toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Bước 1: Giao nhiệm vụ 1 - GV cho HS đọc đề bài 1. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, thực hiện tìm số nghịch đảo của các số trên. Bước 3: Báo cáo kết quả - 2 HS đứng tại chỗ trả lời và các HS khác lắng nghe, xem lại bài trong vở. Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.	Bài 1: Tìm số đối của các số sau: 5,63; - 12,78; - 79,52; 8,9. Giải: Các số đối của 5,63; - 12,78; - 79,52; 8,9 lần lượt là: - 5,63; 12,78; 79,52; - 8,9.
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 2 .	Bài 2: Cho các số thập phân sau: - 2,99; 0,7; 25,03; - 2,9; - 5,3. a) Hãy sắp xếp các số đã cho theo thứ tự

<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện giải toán cá nhân - HS so sánh kết quả với bạn bên cạnh <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, làm bài cá nhân và thảo luận cặp đôi theo bàn trả lời câu hỏi . <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động cá nhân, đại diện 2 hs lên bảng trình bày, mỗi HS làm 1 ý <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. 	<p>tăng dần.</p> <p>b) Hãy sắp xếp các số đã cho theo thứ tự giảm dần.</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a) - 5,3; - 2,99; - 2,9; 0,7; 25,03.</p> <p>b) 25,03; 0,7; - 2,9; - 2,99; - 5,3.</p>
---	---

Dạng 2: Các phép tính với số thập phân.

a) Mục tiêu:

Thực hiện các phép toán cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

b) Nội dung: Bài 3;

c) Sản phẩm: Tìm được kết quả của các phép toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 1. <p>Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài , thực hiện các phép tính <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 HS lên bảng làm, mỗi em làm 2 ý. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. 	<p>Bài 3: Thực hiện các phép tính sau (học sinh không sử dụng máy tính cầm tay)</p> <p>a) $3,27 - 4,15$ b) $- 5,5 + (- 2,85)$</p> <p>c) $0,67 + 1,56$ d) $7,86 + (- 5,3)$</p> <p>e) $4,5 - (- 9,5)$ f) $0,5.1,5$;</p> <p>g) $0,25.0,3$ h) $- 0,5.3,5$;</p> <p>i) $0,6 : 1,5$ k) $0,75 : (- 0,4)$.</p> <p style="text-align: center;">Giải:</p> <p>a) $3,27 - 4,15 = - 0,88$</p> <p>b) $- 5,5 + (- 2,85) = - 8,35$</p> <p>c) $0,67 + 1,56 = 2,23$</p> <p>d) $7,86 + (- 5,3) = 2,56$</p> <p>e) $4,5 - (- 9,5) = 14$</p> <p>f) $0,5.1,5 = 0,75$</p> <p>g) $0,25.0,3 = 0,075$</p>

	h) $-0,53,5 = -1,75$ i) $0,6 : 1,5 = 0,4$ k) $0,75 : (-0,4) = -1,875$
--	---

Tiết 2:**Dạng toán: Tính giá trị biểu thức, tính hợp lí****a) Mục tiêu:**

- Vận dụng tính chất của các phép tính trong việc tính nhanh.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3**c) Sản phẩm:** Tìm được kết quả của các phép toán.**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 1 . Yêu cầu: - HS thực hiện theo nhóm, mỗi nhóm 1 ý - Nêu lưu ý sau khi giải toán Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo nhóm. HS phân nhiệm vụ và trình bày bài tập vào bảng nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trưng kết quả nhóm - 1 đại diện nhóm trình bày cách làm - HS phản biện và đại diện nhóm trả lời Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm. GV chốt lại các tính chất đã được áp dụng trong việc giải bài tập	Bài 1: Tính giá trị của các biểu thức sau (thực hiện tính nhanh nếu có thể): a) $(-35,8) + (-17,2) + 16,4 + 4,6$ b) $(5,3 - 2,8) - (4 + 5,3)$ c) $(34,72 + 32,28) : 5 - (57,25 - 36,05) : 2$ d) $2,5 \cdot (-4,68) + 2,5 \cdot (-5,32)$ e) $5,36 \cdot 12,34 + (-5,36) \cdot 2,34$ Giải: a) $(-35,8) + (-17,2) + 16,4 + 4,6$ $= (-35,8) + (-17,2) + 16,4 + 4,6$ $= -53 + 21 = -32$ b) $(5,3 - 2,8) - (4 + 5,3)$ $= 5,3 - 2,8 - 4 - 5,3 = -6,8$ c) $(34,72 + 32,28) : 5 - (57,25 - 36,05) : 2$ $= 67 : 5 - 21,2 : 2$ $= 13,4 - 10,6 = 2,8$ d) $2,5 \cdot (-4,68) + 2,5 \cdot (-5,32)$ $= 2,5 \cdot (-4,68) + (-5,32) \cdot 2,5$ $= 2,5 \cdot (-10) = -25$ e) $5,36 \cdot 12,34 + (-5,36) \cdot 2,34$ $= 5,36 \cdot 12,34 + (-2,34) \cdot 5,36$ $= 5,36 \cdot 10 = 53,6$
	Dạng toán tìm x
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 2 . Yêu cầu:	Bài 2: Tìm x, biết: a) $x + 3,12 = 14,6 - 8,5$

<ul style="list-style-type: none"> - Nêu cách tìm số hạng trong một tổng. - Nêu cách tìm số trừ, số bị trừ trong một hiệu. - Nêu cách tìm thừa số trong một tích. - Nêu cách tìm số bị chia, số chia trong một thương. - Yêu cầu HS làm bài tập cá nhân, 6 HS lên bảng. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đứng tại chỗ trả lời cách tìm thừa số, tìm số bị chia, số chia. - 6 HS lên bảng giải toán, HS làm vào vở <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân dưới lớp <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. GV chốt lại kết quả và các bước giải 	<p>b) $x - 5,14 = (15,7 + 2,3) : 2$</p> <p>c) $31,5 - x = (18,6 - 12,3) : 3$</p> <p>d) $x : 12,5 = (32,6 - 10,4) : 5$</p> <p>e) $x : 2,2 = (28,7 - 13,5) : 2$</p> <p>f) $216,4 : x = (5,24 + 4,76) : 2$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a) $x + 3,12 = 14,6 - 8,5$ $x = 14,6 - 8,5 - 3,12$ $x = 2,98$</p> <p>b) $x - 5,14 = (15,7 + 2,3) : 2$ $x = 15,7 + 2,3 : 2 + 5,14$ $x = 41,14$</p> <p>c) $31,5 - x = (18,6 - 12,3) : 3$ $x = 31,5 - (18,6 - 12,3) : 3$ $x = 29,4$</p> <p>d) $x : 12,5 = (32,6 - 10,4) : 5$ $x = (32,6 - 10,4) : 5 \cdot 12,5$ $x = 8,88$</p> <p>e) $x : 2,2 = (28,7 - 13,5) : 2$ $x = (28,7 - 13,5) : 2 \cdot 2,2$ $x = 66,88$</p> <p>f) $216,4 : x = (5,24 + 4,76) : 2$ $x = 216,4 : (5,24 + 4,76) : 2$ $x = 43,28$</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 3. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập 3 cá nhân - 3HS lên bảng. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 HS lên bảng giải toán - HS dưới lớp làm vào vở <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân dưới lớp <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - Yêu cầu HS ghi nhớ các bước giải toán 	<p>Bài 3: Tìm x biết</p> <p>a) $2,6.(x + 3,4) = -13$</p> <p>b) $2,5x - 4,16 = 7,5 : 1,5$</p> <p>c) $3,4 : x - 15,6 = -16$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a) $2,6.(x + 3,4) = -13$ $x + 3,4 = (-13 : 2,6) - 3,4$ $x = -8,4$</p> <p>b) $2,5x - 4,16 = 7,5 : 1,5$ $x = (7,5 : 1,5 + 4,16) : 2,5$ $x = 3,664$</p> <p>c) $3,4 : x - 15,6 = -16$ $x = 3,4 : (-16 + 15,6)$ $x = -8,5$</p>

Tiết 3:**Dạng toán: Các bài toán có lời văn, các bài toán thực tế****a) Mục tiêu:**

- Thực hiện các phép toán số thập phân trong các bài toán có lời văn.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3; 4**c) Sản phẩm:** Tìm được kết quả của các phép toán.**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 1 . Yêu cầu: - HS nhắc lại công thức tính diện tích, chu vi hình chữ nhật - Đề toán cho biết gì, cần tìm gì? - HS giải toán theo cá nhân và trao đổi kết quả cặp đôi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đứng tại chỗ nêu lại công thức tính diện tích và chu vi của hình chữ nhật - HS thực hiện giải bài tập cá nhân, trao đổi kết quả theo cặp Bước 3: Báo cáo kết quả - 1 HS lên bảng trình bày bài làm HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức	Bài 1: Một mảnh đất hình chữ nhật có diện tích là $100,56m^2$, chiều rộng là $5,12m$. Tính chu vi hình chữ nhật đó. (làm tròn đến hàng phần chục) Giải: Giải Chiều rộng của hình chữ nhật đó là: $100,56 : 5,12 \approx 19,6(m)$. Chu vi của hình chữ nhật đó là: $(19,6 + 5,12) . 2 = 49,4(m)$.
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 2 . Đặt các câu hỏi hướng dẫn: - Hai bạn đi cùng chiều hay ngược chiều? - Quãng đường AB bằng? - Công thức tính quãng đường khi biết thời gian và vận tốc? - Thời gian bạn Hà và bạn Nga có biết được? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	Bài 2: Lúc 6 giờ 30 phút bạn Hà đi xe đạp từ A đến B với vận tốc $14,8km/h$. Lúc 6 giờ 45 phút bạn Nga đi xe đạp từ B đến A với vận tốc $12,5km/h$. Hai bạn gặp nhau ở C lúc 7 giờ. Tính quãng đường AB. (làm tròn đến hàng phần trăm) Giải Thời gian Hà đi là: $7 \text{ giờ} - 6 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 30 \text{ phút} = 0,5 \text{ giờ}$

<p>- HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo nhóm</p> <p>HS suy nghĩ và giải toán</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- Yêu cầu đại diện nhóm trình bày kết quả</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày cách làm</p> <p>- HS phản biện và đại diện nhóm trả lời</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm.</p> <p>GV chốt lại kết quả và cách làm bài, khen thưởng nhóm giải nhanh và chính xác bài toán</p>	<p>Quãng đường Việt đi là: $14,8 \times 0,5 = 7,4$ (km)</p> <p>Thời gian Nam đã đi là: 7 giờ – 6 giờ 45 phút = 15 phút = 0,25 giờ</p> <p>Quãng đường Nam đã đi là $12,5 \times 0,25 = 3,13$ (km)</p> <p>Quãng đường AB là $7,4 + 3,13 = 10,53$ (km)</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài bài 3.</p> <p>- Yêu cầu HS hoạt động cá nhân giải toán</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- 1 HS lên bảng giải bài tập</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- 1 HS lên bảng trình bày bảng HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức</p> <p>GV tóm tắt kiến thức toàn buổi dạy</p>	<p>Bài 3: Chia đều một mảnh vải dài $50,76m$ thành bốn đoạn bằng nhau. Tính độ dài mỗi đoạn (làm tròn kết quả đến hàng phần mười)</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Độ dài mỗi đoạn là: $50,76 : 4 = 12,7(m)$</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài bài 3.</p> <p>- Yêu cầu HS hoạt động cá nhân giải toán</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- 1 HS lên bảng giải bài tập</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- 1 HS lên bảng trình bày bảng HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức</p> <p>GV tóm tắt kiến thức toàn buổi dạy</p>	<p>Bài 4: Mẹ cho Bình 120 000 đồng để mua đồ dùng học tập. Bình dự định mua 10 quyển vở, hai bút chì và 5 bút bi. Giá một quyển vở là 7 200 đồng, một chiếc bút chì là 5 000 đồng, một chiếc bút bi là 3 500 đồng. Em hãy ước lượng xem Bình có đủ tiền để mua đồ dùng học tập theo dự định không?</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Ước lượng: $10.7000 + 2.5000 + 5.4000 = 100000$ (đồng)</p> <p>Vậy Bình có thể mua đồ dùng như dự định.</p>

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Yêu cầu HS học thuộc các tính chất của các phép tính với số thập phân, quy tắc làm tròn số.

- Hoàn thành các bài tập

Bài 1: Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

$$-18,34; -17,2; -19; 20,02; 20,46$$

Bài 2: Viết các phân số sau dưới dạng số thập phân:

$$\frac{3}{5}; \frac{15}{40}; -\frac{7}{10}; -\frac{191}{25}; -35\%;$$

Bài 3: Viết các phân số sau dưới dạng số thập phân:

$$\frac{3}{5}; \frac{15}{40}; -\frac{7}{10}; -\frac{191}{25}$$

Bài 4: Thực hiện phép tính (làm tròn số đến hàng phần trăm)

$$\text{a) } 0,35 \cdot 2,7 \quad \text{b) } 12,8 : 4,3 \quad \text{c) } -8,3 - 12,1 \quad \text{d) } 2,6 + (-9,4) - 6,3$$

Bài 5: Tính giá trị các biểu thức sau một cách hợp lí:

$$\text{a) } A = (3,1 - 2,5) - (-2,5 + 3,1); \quad \text{b) } B = (5,3 - 2,8) - (4 + 5,3);$$

$$\text{c) } C = -(251,3 + 2,81) + 3,251 - (1 - 2,81);$$

Bài 6: Tìm x (làm tròn số đến hàng phần mười) biết:

$$\text{a) } 2,7x + 3,6 = -12,8 \quad \text{b) } 20,1 - 5,2x = 11,3; \quad \text{c) } 2,34 + 5,4 : x = 1,32$$

Bài 7: Một khu đất hình chữ nhật có chiều rộng là $1,72$ (km). Chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích và chu vi khu đất.

Bài 8: Lúc 7 giờ An đi xe đạp từ A đến B với vận tốc $13,6$ km/h. Cùng thời điểm đó thì Bình đi bộ từ B về A với vận tốc $4,5$ km/h. Hai bạn gặp nhau tại điểm hẹn lúc 7 giờ 30 phút. Tính độ dài quãng đường AB?